

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hiệp

2. Ông Võ Thanh Liêm

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Nguyễn Mai Đoàn Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Ông Bùi Văn S, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L1 trình bày:* Bà và ông Bùi Văn S quen nhau qua mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1991, đến năm 2002 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại thôn Đ, xã N; đến năm 2014 thì vợ chồng chuyển đến sống tại thôn N, xã N. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra kinh cãi, xô xát đánh nhau. Ngoài ra khoảng 10 năm trở lại đây thì ông S thường xuyên đi nhậu với bạn bè rồi về kiếm chuyện kinh cãi với bà. Ông S có tính gia trưởng nên khi bà làm chuyện gì trái ý thì ông S thường mắng chửi và đánh bà. Bà nhiều lần muốn ly hôn với ông S nhưng gia

đình hai bên can ngăn và các con chưa lập gia đình nên bà cố gắng sống với ông S. Đến đầu tháng 12 năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, ông S tiếp tục đánh và nhiều lần hăm dọa đến tính mạng nên bà không chấp nhận và quyết định ly hôn. Hiện vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định không còn tình cảm với ông S nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Bùi Thanh X sinh ngày 10/10/1992, Bùi Thị Ngân L2 sinh ngày 06/02/1995 và Bùi Thị Thanh L3 sinh ngày 22/11/1999. Hiện các con đều đã trưởng thành, lập gia đình và tự lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn S trình bày: Ông thống nhất về thời gian chung sống và kết hôn như bà L1 đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ và làm nghề buôn bán nguyên liệu giấy. Vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, công việc của ông thường xuyên phải giao lưu bạn bè, uống bia rượu nên bà L1 hay cần nhắc, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Mấy năm đầu sau khi cưới thì vợ chồng cãi nhau, ông có đánh bà L1 nhưng sau này ông không đánh nữa. Vào tháng 12 năm 2023 vợ chồng kinh cãi nhau về chuyện con cái, ông bệnh con và nói nặng lời với bà L1 nên bà L1 giận và nộp đơn ly hôn, hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà. Ông không đồng ý ly hôn với bà L1 vì vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Bùi Thanh X sinh ngày 10/10/1992, Bùi Thị Ngân L2 sinh ngày 06/02/1995 và Bùi Thị Thanh L3 sinh ngày 22/11/1999. Hiện các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu L1 xin ly hôn với ông Bùi Văn S
2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu L1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu L1 và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Bà L1 cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do ông S có tính gia trưởng nên khi bà làm chuyện gì trái ý thì ông S thường mắng chửi và đánh bà. Bà nhiều lần muốn ly hôn với ông S nhưng gia đình hai bên can ngăn và các con chưa lập gia đình nên bà cố gắng sống với ông S. Bà xác định không còn tình cảm với ông S nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S. Ngược lại, ông S cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, vợ chồng cãi nhau từ những chuyện nhỏ nhặt, ông xác định các con đều đã lập gia đình, ông vẫn còn tình cảm với bà L1 nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

[2] Xét yêu cầu của bà L1, ông S, Hội đồng xét xử thấy rằng qua xác minh ở địa phương, xác định vợ chồng bà L1, ông S không có mâu thuẫn gì, vợ chồng chưa có lần nào mâu thuẫn đánh nhau. Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Tòa án chỉ cho ly hôn theo yêu cầu của một bên nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” cho nên việc bà L1 cho rằng nguyên nhân do ông S thường xuyên uống rượu về đánh bà dẫn đến việc bà yêu cầu xin ly hôn là không có căn cứ và không đúng với thực tế. Mặt khác, mâu thuẫn giữa bà L1 và ông S chưa đến mức trầm trọng, gay gắt, có thể khắc phục, ông S cũng tha thiết vợ chồng đoàn tụ, nhằm tạo điều kiện cho bà L1 ông S có cơ hội hàn gắn hạnh phúc, bản thân ông S có điều kiện khắc phục những thiếu sót trong cuộc sống. Do đó không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu L1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu L1 nên không giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thu L1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005183 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu L1 đối với ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu L1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005183 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ